TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2020/HS-PT
Ngày: 25 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 243/2019/TLPT- HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2019/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Thị Mỹ L** - Sinh năm 1970, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; HKTT: đường Ng, phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở: đường B, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; chồng: Ch George Newton - Quốc tịch: Anh (đã chết); tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 14/03/2019 (có mặt).

- *Người bào chữa*: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Mai Trung T - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo (có mặt)

- *Người bị hại:* Ông Ngô Anh Tr, sinh năm 1975; trú tại: ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1969; địa chỉ: đường 30/4, phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1 – Nội dung vụ án và kết quả điều tra:

Khoảng từ đầu năm 2015, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L quen biết ông Ngô Anh Tr, sinh năm 1975, trú tại tổ 2, ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Ông Tr là chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Môi giới bất động sản B, mã số doanh nghiệp 3602196958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 11/12/2009, trụ sở đặt tại Ấp Ph, Quốc Lộ 51, xã L, huyện L1, Đồng Nai. Ngoài ra, ông Tr cũng là chủ hộ kinh doanh Dịch vụ cầm đồ Tr, trụ sở đặt tại Ấp Đ, xã L, huyện L1, Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 47H8001130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/4/2003. Quá trình điều tra và điều tra lại, bị cáo L và ông Tr đều khẳng định mối quan hệ giữa hai người chỉ là quan hệ xã hội, mới quen biết, không có quan hệ yêu đương nam nữ gì với nhau.

Bị cáo L khai, ngay sau khi mới quen biết, từ tháng 2/2015 đến tháng 5/2015, bị cáo giao cho ông Tr 3.200.000.000đ (ba tỷ hai trăm triệu đồng) tiền mặt; trong đó bị cáo góp vốn kinh doanh bất động sản cùng ông Tr số tiền 03 (ba) tỷ đồng và cho ông Tr mượn 200 triệu đồng để mua sắm vật dụng và cúng chùa. Tuy nhiên, quá trình điều tra và điều tra lại, bị cáo không có giấy tờ hay chứng cứ chứng minh đã giao số tiền 3.200.000.000đ đồng cho ông Tr; việc giao – nhận tiền không có người làm chứng;

Về phía ông Tr, quá trình điều tra và điều tra lại đều khai không nhận số tiền 3.200.000.000đ đồng như lời khai của bị cáo L.

Ngày 25/5/2015, bị cáo L và ông Tr lập và ký 02 (hai) văn bản dưới đây:

**** Văn bản thứ nhất có nội dung:***

"CAM KẾT NHẬN GÓP VỐN TRONG VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Hôm nay, ngày 25/5/2015, chúng tôi ký tên dưới đây những người tự nhận thấy có đủ năng lực, hành vi và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

Căn cứ vào sự góp vốn chuyển nhượng QSDĐ tại xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thống nhất, chúng tôi tự thỏa thuận với nhau, với nội dung như sau:

+ Bên A (bên chuyển nhượng), bên nhận góp vốn:

- Ông Ngô Anh Tr

- Ngày tháng năm sinh: 04/6/1975

- CMND số 271177092 cấp ngày 06/11/2009;

- HKTT: 1/47 tổ 2, ấp Đ, xã L, L1, Đồng Nai.

+ Bên B (bên nhận chuyển nhượng, bên nhận góp vốn)

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L

- Ngày tháng năm sinh: 15/12/1970

- CMND số 273447342 cấp ngày 09/7/2008;

- HKTT: đường Ng, phường 4, TP Vũng Tàu.

Điều 1: Tài sản bên A

Ông Ngô Anh Tr hiện đang sử dụng và quản lý thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai, diện tích 11.000 m^2 giá trị hiện nay là 9 tỷ đồng, chưa có giấy chứng nhận QSDĐ.

Điều 2: Nội dung góp vốn

Do tính chất giao dịch trong việc góp vốn QSDĐ toàn bộ diện tích đất đã nêu tại Điều 1, Bên A đồng ý cho Bên B góp vốn 4 tỷ đồng bằng 5.500 m^2 đất thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau:

1. Ông Ngô Anh Tr 5.500 m^2 = 4 tỷ đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L 5.500 m^2 = 4 tỷ đồng.

Điều 3: Cam kết của Bên A

Bên A quản lý và sử dụng tổng số diện tích thửa đất trên. Nếu có chuyển nhượng thì phải báo và thỏa thuận cho Bên B biết.

Điều 4: Cam kết của Bên B

Nếu có chuyển nhượng thì phải báo và thỏa thuận cho Bên A biết.

Điều 5: Điều khoản chung

- Hai nên cam kết thực hiện đầy đủ nội dung góp vốn trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Mọi sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ nội dung góp vốn trong việc chuyển nhượng QSDĐ chỉ có giá trị pháp lý khi được lập thành văn bản do Bên A và Bên B ký tên.

- Cam kết …được lập thành 2 bản…mỗi bên giữ 1 bản. Sau khi đọc lại lần cuối cùng và hiểu rõ, hai bên cùng ký tên dưới đây. Bên A: Ngô Anh Tr. Bên B: Nguyễn Thị Mỹ L" (bút lục 120, 123, 124).

**** Văn bản thứ hai có nội dung:***

"GIẤY XÁC NHẬN

Hôm nay, ngày 25/5/2015.

Tôi tên: Ngô Anh Tr. Sinh ngày 04/6/1975.

- CMND số 271177092 cấp ngày 06/11/2009.

- HKTT: 1/47 Ấp Đ, xã L, L1, Đồng Nai.

Tôi có nhận các Giấy chứng nhận QSDĐ sau (bản chính).

1. CNQSDĐ số BE 433711.

2. GCNQSDĐ số BS 306350.

3. GCNQSDĐ số BQ 686938.

4. GCNQSDĐ số AD 018211

Lý do: Nhận chuyển nhượng QSDĐ và làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ.

Giấy xác nhận này được làm 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Người giao ký: Nguyễn Thị Mỹ L. Người nhận ký: Ngô Anh Tr" (bút lục 131)

Kết quả điều tra và điều tra lại về việc lập và ký 02 văn bản này như sau:

+ Bị cáo L lý giải như sau:

- Đối với văn bản thứ nhất: bị cáo khai do sau khi đã góp vốn 03 tỷ đồng nhưng ông Tr không tiến hành kinh doanh đất như thỏa thuận, bị cáo hối thúc thì ông Tr nói đang sử dụng và quản lý thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai, diện tích 11.000 m^2 giá trị 09 tỷ đồng nhưng chưa có giấy chứng nhận QSDĐ nên hai bên thống nhất lập văn bản để xác nhận bị cáo đã góp vốn tương đương giá trị 5.500 m^2. Qua đánh giá lời khai của bị cáo, nhận thấy: bị cáo khai góp vốn 50% số tiền là 03 tỷ đồng nhưng trong văn bản lại ghi giá trị lô đất 09 tỷ đồng, bị cáo góp vốn giá trị tương đương 5.500 m^2 nhưng lại ghi số tiền góp vốn 04 tỷ đồng là hoàn toàn mâu thuẫn và không phù hợp.

- Đối với văn bản thứ hai: bị cáo khai mục đích giao cho ông Tr 05 (năm) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: BE 433711, BS 306350, BQ 686938, AD 018211, AH 566412 và giấy tờ đính kèm là nhờ ông Tr hoàn chỉnh các thủ tục sang tên giấy tờ đất mà bị cáo nhận chuyển nhượng đã công chứng; sau đó bị cáo nhờ ông Tr bán giúp 05 lô đất trên nhưng ông Tr yêu cầu bị cáo phải viết giấy chuyển nhượng sang tên toàn bộ 05 lô đất cho ông Tr thì ông Tr mới giúp. Vì thế nên bị cáo đã phải viết văn bản có nội dung nêu trên (văn bản ghi thiếu 01 giấy số seri AH566412 nhưng hai bên thống nhất số lượng là 05 giấy).

+ Bị hại Tr lý giải như sau:

- Đối với văn bản thứ nhất: Ông Tr thừa nhận giữa ông với bị cáo có lập và ký văn bản thỏa thuận góp vốn như đã nêu trên, nhưng thực tế bị cáo L chưa giao tiền góp vốn cho ông nên văn bản không có giá trị gì.

- Đối với văn bản thứ hai: Ông Tr khai bị cáo đã chuyển nhượng toàn bộ 05 hồ sơ đất nêu trên cho ông với giá 06 tỷ đồng. Qua đánh giá lời khai của ông Tr, nhận thấy: Việc mua – bán không có hợp đồng theo quy định, ông Tr không có giấy tờ chứng minh đã giao số tiền 6 tỷ đồng mua đất cho bị cáo, không có người làm chứng, nên lời khai này là mâu thuẫn và không phù hợp.

Do mâu thuẫn chuyện tiền bạc, giấy tờ đất đai nên ngày 31/5/2015, bị cáo L đã cùng 06 người đàn ông thực hiện hành vi cướp tiền của ông Tr.

Cụ thể như sau:

L khai, khoảng 08 giờ ngày 31/5/2015, bị cáo đến chùa B thuộc xã Tân Hòa, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gặp một người đàn ông không rõ

lai lịch. Bị cáo kể lại sự việc bị ông Tr chiếm đoạt tiền và giấy tờ đất thì người đàn ông nói sẽ giúp bị cáo lấy lại tiền, giấy tờ đất từ ông Tr, bị cáo đồng ý. Người đàn ông này gọi thêm 05 (năm) người đàn ông khác đến cùng bị cáo bàn bạc, thống nhất cách thức lấy lại tiền và giấy tờ đất cho bị cáo. Tất cả cùng đồng ý.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo L thuê một chiếc xe ô tô taxi 7 chỗ (không nhớ biển số xe, hãng taxi, tên tài xế) và chỉ dẫn tài xế chở bị cáo và 06 người đàn ông đi theo Quốc Lộ 51 từ thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến nhà ông Tr ở địa chỉ số 1/47 tổ 2, ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Đến nơi, thấy xe ô tô biển số 60A-003.59 của ông Tr đang đỗ ở sân thì bị cáo yêu cầu lái xe taxi đỗ xe cách nhà ông Tr vài căn nhà để theo dõi, canh chừng. Khi thấy ông Tr điều khiển xe ô tô chạy về hướng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bị cáo yêu cầu lái xe taxi chạy bám đuôi theo xe ô tô của ông Tr.

Về phía ông Tr, do có hẹn với bà Vũ Thị Ng (sinh năm 1969, trú tại đường 30/4, phường 12, TP Vũng Tàu) nên lái xe ô tô đến quán cà phê R thuộc phường P, thị xã P, Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến khoảng hơn 13 giờ, khi ông Tr cho xe ô tô vào bãi đậu xe của quán thì bà Ng cũng vừa đến bằng xe ô tô của bà Ng. Ông Tr và bà Ng vào quán, ngồi tại một bàn phía trong quán mà không hay biết xe taxi chở bị cáo và 06 người đàn ông theo dõi, bám đuôi từ tỉnh Đồng Nai đến tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Lúc này, tại quán cà phê R có bà Ng và các nhân viên phục vụ quán gồm: anh Nguyễn Thanh T, bà Ngô Thị H, chị Lê Kim Ph. Tất cả cùng trực tiếp chứng kiến toàn bộ diễn biến chi tiết sự việc như sau:

Khi ông Tr và bà Ng đã chọn được một bàn phía trong quán và ổn định chỗ ngồi thì 06 người đàn ông đi vào ngồi một bàn phía ngoài gần bàn ông Tr và bà Ng, còn bị cáo L đứng ở cổng ít phút rồi mới đi vào quán. Khi bị cáo đi đến chỗ bàn ông Tr và bà Ng đang ngồi thì 06 người đàn ông cùng đứng dậy, 01 người đi ra trước cổng quán cảnh giới, 01 người đi đến quầy tính tiền của quán đe dọa với nhân viên "Không ai được gọi điện thoại", 04 người còn lại cùng bị cáo đứng vây quanh bàn ông Tr và bà Ng.

Bị cáo yêu cầu ông Tr trả tiền và giấy tờ đất thì giữa bị cáo và ông Tr cự cãi lẫn nhau. Một người đàn ông nói lớn tiếng với ông Tr "Mày lợi dụng phụ nữ, mày lừa đảo, trả lại tiền và giấy tờ đất cho người ta". Ông Tr đứng dậy thì bị hai người đàn ông đứng hai bên phía sau khống chế cầm hai tay ông Tr bẻ quặt ra sau ghì chặt xuống ghế. Một người đàn ông dùng tay đánh nhiều cái vào mặt ông Tr gây chảy máu trên mặt, rồi lấy trong người một chai mắm tôm chuẩn bị sẵn đổ lên đầu ông Tr.

Trong lúc ông Tr đang bị khống chế và bị đánh thì bị cáo lấy chìa khóa xe ô tô của ông Tr trên mặt bàn rồi cùng một người đàn ông đi ra xe ô tô của ông Tr, bà Ng thấy vậy cũng đứng dậy đi theo. Bị cáo dùng chìa khóa mở cửa xe ô tô của ông Tr lục soát trong xe không thấy gì nên đóng cửa xe lại. Bị cáo tiếp tục mở khóa cốp sau xe ô tô thấy có 02 túi xách nên lấy ra đưa cho người đàn ông. Bị cáo đóng cốp xe lại rồi cùng người đàn ông đi vào chỗ bàn ông Tr. Khi đi ngang qua chỗ bà Ng

đang đứng, người đàn ông nói với bà Ng "Con này đi vào đây xem thằng bạn khốn nạn của mày này".

Bị cáo L và người đàn ông để chìa khóa xe ô tô và 02 túi xách lên bàn trước mặt ông Tr vẫn đang bị khống chế. Bị cáo dùng tay mở khóa dây kéo 01 túi xách hiệu BVLGARI màu trắng xanh lục tìm nhưng không có tiền hay tài sản gì, chỉ thấy đựng thuốc tây (tân dược). Chiếc túi xách còn lại màu đen hiệu SAMSONITE có khóa số, bị cáo và người đàn ông yêu cầu ông Tr cung cấp mã số để mở khóa nhưng ông Tr không cung cấp mà giằng lấy túi xách ném ra xa xuống đất thì bị người đàn ông tiếp tục dùng tay đánh nhiều cái vào mặt ông Tr. Bị cáo đi nhặt túi xách để lại trên bàn rồi dùng một cây bút mang theo chọc mạnh vào dây kéo làm dây khóa kéo bung ra. Bị cáo mở túi xách rồi đổ hết tất cả ra mặt bàn, lục tìm thấy có 15 cọc tiền mặt loại mệnh giá 500 nghìn đồng và một số giấy tờ đất. Bị cáo cầm 01 cọc tiền kiểm đếm thấy có 100 tờ/cọc = 50 triệu đồng/cọc, nhầm tính tổng số 15 cọc tiền là 750 triệu đồng mà không kiểm đếm toàn bộ. Bị cáo lấy 15 cọc tiền, 05 giấy tờ đất và tài liệu đính kèm cho vào túi xách của bị cáo mang theo rồi lấy 01 tờ giấy ra tự viết nội dung:

"GIẤY XÁC NHẬN

Tôi tên: Ngô Anh Tr, SN 04/6/75;

CMND 271177092 cấp ngày 6/11/2009;

Địa chỉ Ấp Đ, xã L, L1, Đồng Nai.

Tôi xác nhận có nhận 3 tỷ hai trăm (ba tỷ hai trăm ngàn đồng) của cô Nguyễn Thị Mỹ L, SN 15/12/1970, CMND 273447342 địa chỉ 50 Ng, P4, TP Vũng Tàu. Nay tôi trả lại 750 triệu đồng. Phần còn lại 2,450 triệu đồng sẽ hoàn trả lại vào ngày 31/5/2015.

Do tôi không viết được (viết chữ xấu không đọc được), nên tôi có nhờ cô L viết dùm. Khi tôi làm giấy xác nhận này, tôi hoàn toàn tỉnh táo và tự nguyện, không có sự ép buộc nào. Tôi xác định những gì nêu trên đây là đúng sự thật. Tôi xin hoàn toàn chịu trước pháp luật nếu có sự gian dối nào.

Ngày 31/5/2015. Ký tên: Ngô Anh Tr".

Bị cáo và nhóm đàn ông bắt ông Tr ký vào tờ giấy có nội dung viết sẵn nêu trên, do bị khống chế nên ông Tr buộc phải ký vào tờ giấy trên và viết thêm chữ và số cạnh chữ ký của mình. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cho ông Tr xem tờ giấy và yêu cầu tự đọc lại những nội dung viết thêm nhưng bản thân ông Tr cũng không nhớ, không đọc được nội dung viết thêm là gì.

Sau khi chiếm đoạt được 750 triệu đồng của ông Tr và lấy được 05 giấy tờ đất, bị cáo cùng 06 người đàn ông đi ra xe taxi đang chờ sẵn ở cổng rời khỏi hiện trường ra đến Quốc Lộ 51 thì 06 người đàn ông xuống xe, còn bị cáo yêu cầu taxi đi về nhà số 50B Ng, phường 4, thành phố V gửi túi xách đựng tiền và 05 giấy tờ đất nhờ bà Nguyễn Thị Ng1 (chị dâu bị cáo L) cất giữ mà không nói cho bà Ng1 biết trong túi xách có gì rồi đi về nhà ở đường L, phường 2, thành phố V. Bà Ng1

khai cất túi xách bị cáo L gửi vào trong tủ gia đình, không kiểm tra bên trong nên cũng không biết trong túi có gì.

Về phía ông Tr, sau khi bị cáo cùng 06 người đàn ông rời khỏi hiện trường, bà Ng giúp ông Tr nhặt đồ vật bị đổ ra cho lại vào hai túi xách. Ông Tr để nguyên các dấu vết máu, thương tích cùng bà Ng đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình báo sự việc, khai báo tài sản bị L chiếm đoạt gồm:

- Tiền mặt: 15 tỷ đồng;

- 01 (một) nhẫn kim cương trị giá 12.000 USD;

- 01 (một) dây chuyền 02 (hai) lượng vàng 18K;

- Một số giấy tờ đất và hợp đồng mua bán đất;

Bà Ng thấy ông Tr khai báo số tiền, tài sản bị chiếm đoạt không đúng với thực tế nên điện thoại báo cho bị cáo biết. Đến 16 giờ 30 cùng ngày 31/5/2015, bị cáo đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã P khai rõ chỉ chiếm đoạt số tiền 750 triệu đồng và lấy được 05 giấy tờ đất. Đến 08 giờ 30 ngày 01/6/2015, bị cáo mang số tiền chiếm đoạt được và 05 giấy tờ đất đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã P giao nộp. Cơ quan điều tra đã lập biên bản tạm giữ:

- Tiền mặt: 15 cọc, kiểm đếm chi tiết xác định tổng số 739 triệu đồng;

- 05 (năm) Giấy CNQSDĐ số seri BE433711, BS306350, BQ686938, AD018211, AH 566412.

Tại Kết luận Giám định pháp y về thương tích số 314/TgT ngày 29/12/2015 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận tình trạng thương tích đối với bị hại Ngô Anh Tr như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định: 01 (một) sẹo phần mềm ở môi trên lành tốt; 2. Thương tích trên phù hợp được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày; 3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 01 %"

Tại Kết luận định giá tài sản số 371/KL-HĐĐGTS ngày 02/02/2016 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận:

"a) Đối với túi xách hiệu Samsonite màu đen bị hư dây khóa kéo: Giá trị thiệt hại là 90.000 đồng; b) Đối với 6 tài sản đề nghị định giá ...(02 điện thoại di động Nokia 8800, 01 chìa khóa xe Camry 3.5, 01 dây chuyền vàng 18k, 01 nhẫn kim cương, 01 mắt kính gọng vàng) thì các tài sản nêu trên không thu giữ được. Đối với tài sản là nhẫn kim cương, dây chuyền vàng 18K, mắt kính gọng vàng không có kết quả giám định của cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng không có cơ sở để định giá và từ chối định giá".

Ngày 01/9/2015, Cơ quan CSĐT (PC01) Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 07/QĐ, Quyết định khởi tố bị can số 08/QĐ đối với Nguyễn Thị Mỹ L về tội "Cướp tài sản" theo Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 22/8/2016, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ra Cáo trạng số 54/VKS-P2 truy tố Nguyễn Thị Mỹ L về tội "Cướp tài sản" theo điểm b khoản 4 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 03/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xử phạt Nguyễn Thị Mỹ L 12 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm b khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 498/2017/HS-PT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 17/2017/HSST giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại.

2. Kết quả điều tra các vấn đề do Bản án số 498/2017/HS-PT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt ra:

2.1. Về hành vi, ý thức của Nguyễn Thị Mỹ L và đồng phạm khi chiếm đoạt tiền của ông Ngô Anh Tr:

a) Không có việc bị cáo L giao cho ông Tr số tiền 3.200.000.000 đồng:

Kết quả điều tra đã xác định rõ quan hệ giữa bị cáo L với bị hại Tr là quan hệ xã hội bình thường mới quen biết từ tháng 2/2015, cả hai đều khẳng định không có quan hệ yêu đương nam nữ. Quá trình điều tra, khám xét chỗ ở của bị cáo tại số 7 Lô C, L, phường 2, TP Vũng Tàu, Cơ quan điều tra thu giữ được một quyển vở học sinh bị cáo dùng để ghi chép và theo dõi các khoản tiền mà bị cáo cho vay, các khoản thu hồi công nợ dù lớn hay nhỏ cũng được bị cáo ghi chép rất cẩn thận và tỉ mỉ. Thế nhưng, với số tiền 3,2 tỷ đồng có giá trị đặc biệt lớn mà bị cáo L khai đưa cho ông Tr là một người đàn ông vừa mới quen biết mà không ghi chép, không có giấy tờ chứng minh, không có người làm chứng là hoàn toàn mâu thuẫn và không phù hợp với thực tế sự việc. Mặt khác, bị cáo khai các lần giao tiền thì bị cáo và ông Tr mỗi người tự lái xe ô tô cá nhân đến các ngân hàng ở thành phố V như BIDV, ACB, OCEAN BANK, VIỆT – NGA. Bị cáo L vào ngân hàng rút tiền, còn ông Tr thì ngồi trong xe của ông Tr đợi ở ngoài đường nhận tiền. Trong khi kết quả xác minh sao kê tài khoản của bị cáo tại các ngân hàng nêu trên xác định: từ tháng 02/2015 đến tháng 5/2015, toàn bộ số tiền bị cáo L rút ra chỉ có 2.291.933.633 đồng, ít hơn nhiều so với lời khai của bị cáo về số tiền rút ra để giao cho ông Tr. Còn phía ông Tr, qua lấy lời khai và đối chất hoàn toàn không thừa nhận sự việc. Do đó, với kết quả điều tra và điều tra lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo L đã đưa cho ông Tr số tiền 3.200.000.000 đồng (bút lục 130 đến 137).

b) Về hành vi và động cơ, mục đích của bị cáo và 06 người đàn ông khi chiếm đoạt số tiền 750 triệu đồng của ông Tr:

- Quá trình chuẩn bị phạm tội của bị cáo L và đồng phạm:

Việc bị cáo cùng 06 người đàn ông cùng nhau bàn bạc thống nhất phương thức lấy tiền, giấy tờ đất, chuẩn bị sẵn chai mắm tôm rồi thuê xe taxi và chỉ dẫn tài xế chở đi từ thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến nhà ông Tr ở huyện L1, tỉnh Đồng Nai để theo dõi, bám đuôi ông Tr trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 13 giờ ngày 31/5/2015 là hoàn toàn có thật, do chính bị cáo L khai ra trong quá trình điều tra và điều tra lại. Điều này đã cho thấy giữa bị cáo L với nhóm đàn ông đi cùng có

sự bàn bạc, thống nhất từ trước, đây là chuỗi hành vi khi chuẩn bị phạm tội (bút lục số 17, 19, 29, 30, 813, 814).

- Quá trình thực hiện hành vi và động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo L và đồng phạm:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã hỏi cung bị cáo, lấy lời khai bị hại và những người làm chứng đầy đủ, khách quan. Ngày 10/12/2016, Cơ quan điều tra đã tiến hành dựng lại hiện trường, thực nghiệm điều tra, lập bản ảnh thực nghiệm điều tra có sự tham gia của Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại. Khi thực nghiệm điều tra, bị cáo và bị hại Tr đã diễn tả đầy đủ, chi tiết hành vi của bản thân, chỉ dẫn nhân vật đóng thế 06 người đàn ông đi cùng dùng vũ lực khống chế, tấn công gây thương tích, dùng chai mắm tôm đổ lên đầu ông Tr. Khiến cho ông Tr bị tê liệt hoàn toàn về lý trí, ý chí, bản thân không thể kháng cự được để bị cáo lấy chìa khóa xe xe ô tô lục tìm tài sản và đã chiếm đoạt 750 triệu đồng của ông Tr. Diễn biến sự việc hoàn toàn trùng khớp với kết quả hỏi cung, lấy lời khai của bị cáo, bị hại và lời khai của những người làm chứng trực tiếp chứng kiến sự việc. Điều đó cho thấy giữa bị cáo và nhóm đàn ông đồng phạm có sự thống nhất cao trong ý chí và hành động, có sự phối hợp chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người trong quá trình khống chế, dùng vũ lực tấn công ông Tr để chiếm đoạt số tiền 750 triệu đồng, thể hiện quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng (bút lục 58, 577 đến 595, 803 đến 805).

2.2. Về nội dung yêu cầu điều tra, xử lý 06 người đàn ông đồng phạm với Nguyễn Thị Mỹ L:

Nội dung này, trong quá trình điều tra, Viện kiểm sát đã có 03 văn bản yêu cầu điều tra; trong quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án tỉnh cũng đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 08/2016/HSST-QĐ ngày 23/9/2016 yêu cầu điều tra vấn đề này, các tài liệu tố tụng đã thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, do bị cáo L không khai ra 06 người đàn ông đồng phạm, không khai báo số hiệu xe và biển số xe taxi mà bị cáo đã thuê, đã ảnh hưởng đến việc xác định, truy bắt đồng phạm để khởi tố điều tra xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra lại, ông Ngô Anh Tr khai trong nhóm đàn ông đi cùng L có người tự xưng là anh trai của bị cáo. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho nhận dạng qua ảnh đối với ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn Đ là anh và em trai ruột của bị cáo nhưng ông Tr không nhận dạng ra ai (bút lục 793 đến 800).

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại các hãng taxi để làm rõ sự việc nhưng không xác định được biển số xe và tài xế đã chở bị cáo cùng đồng bọn đi cướp tài sản của ông Tr (bút lục 420).

Ngày 21/8/2018, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số 56/CQĐT-PC44 tách vụ án đối với phần nội dung liên quan đến hành vi của 06 người đàn ông đồng phạm với bị cáo cướp tài sản của ông Tr để lập hồ sơ, tiếp tục điều tra, truy xét các đối tượng, khi nào đủ cơ sở xử lý sau theo quy định (bút lục 879).

2.3. Về nội dung yêu cầu xác định tài sản của bị hại bị chiếm đoạt:

a) Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L:

- Quá trình điều tra và điều tra lại, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L, những người làm chứng là bà Ng và các nhân viên quán cà phê R đều khai rõ bị cáo và 06 người đàn ông đi cùng chỉ chiếm đoạt được số tiền 750 triệu đồng của bị hại Ngô Anh Tr. Các lời khai phù hợp diễn biến thực tế của vụ án, phù hợp với nhau, đã được làm rõ trong quá trình điều tra vụ án.

- Còn việc bị cáo lấy 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: BE 433711, BS 306350, BQ 686938, AD 018211, AH 566412 và giấy tờ đính kèm trong giỏ xách của ông Tr là có thật. Tuy nhiên, căn cứ Điều 105 Bộ Luật dân sự 2015 và khoản 16 Điều 3 Luật Đất Đai năm 2013 thì các giấy tờ, tài liệu trên không phải là tài sản nên không đủ cơ sở truy tố bị cáo về hành vi này.

b) Đối với bị hại Ngô Anh Tr:

Quá trình điều tra và điều tra lại, ông Tr vẫn giữ lời khai số tiền, tài sản, giấy tờ tài liệu bị chiếm đoạt đặc biệt lớn. Cụ thể:

- Tiền mặt: 15 tỷ đồng;

- 02 (hai) điện thoại Nokia 8800 giá mua 20.900.000 đồng và 24.500.000 đồng;

- 01 (một) mắt kính gọng vàng giá mua 25.000.000đồng;

- 01 (một) dây chuyền 02 lượng vàng 18K giá mua 11.565. 000 đồng;

- 01 (một) nhẫn kim cương 07 (bảy) Carats giá mua 12.000 USD;

- 01 (một) chìa khóa xe ô tô Camry 3.5.

- 05 (năm) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số seri: BE 433711, BS 306350, BQ 686938, AD 018211, AH 566412 và giấy tờ chứng minh việc L và chồng đã chuyển nhượng các lô đất trên;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thanh B, Lê Thị T, Lê Văn S, Huỳnh Thị L. Diện tích đất 50.000m^2 trị giá 100 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Võ Văn Ph và Huỳnh Thị E. Diện tích đất 12.000m^2 trị giá 10 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Lê Văn N và Nguyễn Ngọc Y. Diện tích 3000m^2 trị giá 1 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Lê Văn S và Trần Thị Ng. Diện tích 3000m^2 trị giá 1,5 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Trương Thị M, Trương Thị Ngọc M, Đoàn Văn L. Diện tích 500m^2 trị giá 1 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Nguyễn Anh H. Diện tích 140m^2 trị giá 700 triệu đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Phạm Phan Hồng H, Trần Thanh Thu Th. Diện tích 101m^2 trị giá 700 triệu đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Trần Văn D, Nguyễn Thị Mỹ T, Bùi Thị Ch. Diện tích 300m^2 trị giá 1,8 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Đặng Văn M, Phan Thị H. Diện tích 180m^2 trị giá 500 triệu đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Ngô Văn C, Nguyễn Thị Ph (Diện tích 20.000m^2 trị giá 50 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của La Văn G, Võ Thị Ngọc Th. Diện tích 14.000m^2 trị giá 5 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Nguyễn Th. Diện tích 5.302m^2 trị giá 1,5 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Nguyễn Văn C. Diện tích 400m^2 trị giá 3 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Ngô Văn Đ, Huyền Thị E. Diện tích 1000m^2 trị giá 700 triệu đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Trần Đình T, Nguyễn Thị Minh X. Diện tích 300m^2 trị giá 1,8 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Nguyễn Thị G, Lê Thị Kh. Diện tích 150m^2 trị giá 500 triệu đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Nguyễn Công Th, Nguyễn Thị Th.

- Hợp đồng chuyển nhượng đất và giấy nhận tiền (viết tay) của Trần Văn N, Nguyễn Thị Ch. Diện tích 200m^2 trị giá 500 triệu đồng;

- Hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất, Hợp đồng kinh doanh bất động sản, giấy nhận tiền (viết tay) về việc chuyển nhượng đất của Trần Văn H, Nguyễn Văn L;

- Hợp đồng cam kết vay tiền viết tay giữa ông Tr và bà Trương Thị Th, Lê Phúc T, Đỗ Trung H, Võ Thành T.

Tất cả tiền, giấy tờ và tài sản nêu trên, ông Tr khai đựng trong 12 túi xách để trong cốp sau xe ô tô biển số 60A – 003.59. Trong đó, có 10 túi vải đỏ (loại túi đựng chai rượu tây) đựng số tiền 14.25 tỷ đồng; 01 túi xách màu đen hiệu SAMSONITE đựng giấy tờ đất và số tiền 750 triệu đồng; 01 túi xách màu trắng hiệu BVLGARI đựng tiền, dây chuyền, nhẫn và kính đeo mắt.

Qua đánh giá tài liệu của vụ án, xét lời khai của ông Tr về tài sản bị L và đồng phạm chiếm đoạt là không đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ. Bởi lẽ:

- Tất cả những người làm chứng là bà Vũ Thị Ng và các nhân viên quán cà phê R là anh Nguyễn Thanh T, bà Ngô Thị H, chị Lê Kim Ph trực tiếp chứng kiến sự việc đều xác định bị cáo L chỉ lấy 02 túi xách từ cốp sau xe ô tô của ông Tr và bị cáo chỉ lấy 15 cọc tiền và 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong túi xách màu đen hiệu SAMSONITE của ông Tr chứ hoàn toàn không có 12 túi xách và số lượng tiền, tài sản, nhiều loại giấy tờ như ông Tr khai báo. Lời khai của bị cáo, của

người làm chứng hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra. Phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 371/KL-HĐĐGTS ngày 02/02/2016 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như đã nêu trên. Do đó, kết quả điều tra và điều tra lại xác định bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L chỉ chiếm đoạt số tiền 750 triệu đồng là tài sản hợp pháp của bị hại Ngô Anh Tr.

- Đối với 20 Hợp đồng chuyển nhượng đất mà ông Tr khai bị L cướp mất có ghi giá trị chuyển nhượng hơn 200 tỷ đồng. Kết quả điều tra không đủ cơ sở quy kết bị cáo đã lấy những giấy tờ trên. Mặt khác, căn cứ Điều 105 Bộ Luật dân sự 2015 và khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 thì các giấy tờ, tài liệu trên không phải là tài sản nên không đủ cơ sở để xem xét, giải quyết theo vụ án này.

3. Về giải quyết phần dân sự:

+ Bị hại Ngô Anh Tr yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho ông toàn bộ số tài sản mà ông Tr khai đã bị bị cáo chiếm đoạt. Qua đánh giá kết quả điều tra nhận thấy ngoài số tiền 750 triệu đồng bị cáo đã thừa nhận chiếm đoạt của ông Tr, đã được thu giữ 739 triệu đồng, thì bị cáo chỉ phải tiếp tục bồi thường số tiền 11 triệu đồng và thiệt hại do túi xách bị hư hại đã được định giá 90.000 đồng. Số tài sản và giấy tờ còn lại mà ông Tr yêu cầu không có cơ sở để chấp nhận.

+ Bị cáo L yêu cầu ông Ngô Anh Tr trả lại cho bị can 3,2 tỷ đồng đã giao cho ông Tr. Xét kết quả điều tra và điều tra lại không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị cáo.

4. Vật chứng:

- Số tiền 739.000.000đ (bảy trăm ba mươi chín triệu đồng) hiện đang thu giữ tại tài khoản số 3949.0.9041477.00000 mở tại Kho bạc nhà nước huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 566412 mang tên ông Phạm Tiến D và bà Lê Thùy L kèm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 018211 mang tên ông Lê Văn H.

- 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Trung K và bà Võ Ngọc Nh chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 433711 mang tên bà Trần Thị Ngọc Y kèm theo hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BS 306350 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 686938 mang tên ông Mai Văn H và bà Trần Thị Như M.

- 01 (một) ba lô màu đen hiệu Samsonite đã cũ, 01 (một) túi xách hiệu Samsonite màu đen đã cũ, 01 (một) túi xách màu trắng, xanh đen hiệu BVLGARI

đã cũ; 01 (một) chai nhựa bên trong có nước màu nâu, bên ngoài dán nhãn hiệu màu xanh ghi chữ Trí Hải.

(*Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 48/BB-CTHA ngày 25/6/2018*).

- 01 (một) áo thun màu trắng, ngắn tay có sọc màu cam có in dòng chữ Adidas.

(*Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 07/BB-CTHA ngày 19/12/2018*.)

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L:

+ 01 (một) Giấy xác nhận góp vốn ngày 31/05/2015 viết tay. (Bút lục 121, 122)

+ 01 (một) giấy Cam kết xác nhận góp vốn trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/5/2015 viết tay.(Bút lục 123, 124)

+ 01 (một) Giấy xác nhận viết tay ngày 25/5/2015 (Bút lục 131).

+ 01 Hợp đồng vay tiền ngày 7/9/2015 (Bút lục 132)

+ 02 (hai) Giấy nộp tiền kiêm lệnh chi ngày 07/9/2015 (Bút lục 133. 134)

+ 01 (một) quyển vở học sinh (Bút lục 135-140)

- Thu giữ của ông Ngô Anh Tr:

+ 01 (một) biên nhận của Công ty TNHH TMDV Phước Lập ngày 09/6/2007 (Bút lục 116).

+ 01 (một) hóa đơn Giá trị gia tăng số 01241 ngày 20/5/2008 của chi nhánh Công ty TNHH Bán lẻ FPT Hà Nội (Bút lục 117)

+ 01 (một) Giấy giám định kim cương ngày 17/7/2006 (Bút lục 118).

+ 01 (một) Giấy mua bán vàng của DNTN Ngọc Thanh ngày 10/9/2003 (Bút lục 119)

- Quá trình điều tra lại, ông Tr giao nộp:

+ 01 (một) tờ báo công lý và xã hội số 99 (400) ra thứ 6 ngày 9/12/2016; 01 (một) bản pho to số hộ khẩu số 190041663, chủ hộ Ngô Văn C, địa chỉ Đ, L L1 Đồng Nai; 01 Biên lai thu tiền lệ phí (bản pho to) của Bệnh viện Bà Rịa số 0053878 ngày 01/6/2015 tên người nộp tiền Ngô Anh Tr; 01 Biên lai thu tiền lệ phí (bản pho to) của Bệnh viện Bà Rịa số 0008597 ngày 31/5/2015, tên người nộp tiền Ngô Anh Tr; 01 đơn thuốc ngày 01/6/2015 của Bệnh viện Bà Rịa, tên người bệnh Ngô Anh Tr (bản pho to). (Từ Bút lục 825 đến Bút lục 830)

**** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2019/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định:***

I/ Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phạm tội *"Cướp tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị Mỹ L 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/03/2019.

II/ Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

1/ Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc Nguyễn Thị Mỹ L phải tiếp tục bồi thường cho ông Ngô Anh Tr 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Ngô Anh Tr những tài sản sau đây:

+ Số tiền 739.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu đồng) hiện đang thu giữ tại tài khoản số 3949.0.9041477.00000 mở Kho bạc nhà nước huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ 01 ba lô màu đen hiệu Samsonite đã cũ; 01 cặp màu đen hiệu Samsonite đã cũ; 01 túi xách màu trắng, xanh đen hiệu BVLGARI đã cũ.

(*Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 48/BB-CTHA ngày 25/6/2018*).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L các giấy tờ sau đây:

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 566412 mang tên ông Phạm Tiến D và bà Lê Thùy L kèm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 018211 mang tên ông Lê Văn H.

+ 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Trung K và bà Võ Ngọc Nh chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 433711 mang tên bà Trần Thị Ngọc Y kèm theo hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BS 306350 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ L.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 686938 mang tên ông Mai Văn H và bà Trần Thị Như M.

(*Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 48/BB-CTHA ngày 25/6/2018*).

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định tịch thu tiêu hủy vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 08/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08/5/2019, bị hại Ngô Anh Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau:

Đã có đủ cơ sở xác định bị cáo L đã nhờ 06 người đàn ông dùng vũ lực lấy tài sản của người bị hại Tr. Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Cướp tài sản" là có căn cứ. Đề nghị bác yêu cầu của bị cáo và của người bị hại.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm như sau:

Không thống nhất về tội danh mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo. Bản án sơ thẩm không xác định bà Ng với tư cách nhân chứng là không đúng. Trong vụ án này, cơ quan điều tra đã không chứng minh được việc bị cáo đã nhờ 06 người đàn ông, không chứng minh được việc bàn bạc, phân công vai trò... Chính vì vậy, việc tách 06 người đàn ông và xử một mình bị cáo là vi phạm thủ tục tố tụng. Việc tách như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc xác định tội danh cũng như mức hình phạt đối với bị cáo, không đủ cơ sở để xác định ý chí chủ quan của bị cáo trong trường hợp này.

Đề nghị: Hủy án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội và trả tự do ngay cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngoài bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo kêu oan, người bị hại Ngô Anh Tr có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 25/02/2020, người bị hại Ngô Anh Tr vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai nhưng ông Tr vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về thu thập chứng cứ:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập gồm: Lời khai của chính bị cáo L, lời khai của người bị hại Ngô Anh Tr, lời khai của người làm chứng bà Vũ Thị Ng, cũng như lời khai của một số nhân viên quán cà phê R là anh Nguyễn Thanh T, bà Ngô Thị H và chị Lê Thị Ph, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L và

06 đồng phạm khác đã chiếm đoạt của người bị hại Ngô Anh Tr số tiền 750.000.000 đồng vào chiều ngày 31/5/2015 tại quán cà phê R, thuộc phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quá trình thực hiện tội phạm của bị cáo L và các đồng phạm đối với bị hại Tr diễn ra trước sự chứng kiến trực tiếp của những người làm chứng gồm: Bà Vũ Thị Ng – là bạn đi cùng bị hại Tr (đồng thời cũng là bạn của bị cáo L) và các nhân viên quán là anh T, bà H và chị Ph.

Sau khi bản án phúc thẩm hủy về việc yêu cầu điều tra, làm rõ đối với 06 đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo L. Quá trình điều tra lại, bị hại Ngô Anh Tr khai trong nhóm 06 người đàn ông đi cùng bị cáo, có người tự xưng là anh trai của bị cáo L. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho nhận dạng qua ảnh đối với ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn Đ là anh và em trai ruột của bị cáo nhưng ông Tr không nhận dạng được. Từ đó, cơ quan điều tra đã tách việc điều tra đối với 06 đồng phạm này để xử lý sau.

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thu thập chứng cứ đã cho thấy: Theo lý lịch của bị cáo L thể hiện, bị cáo có một người anh trai tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965, hiện trú tại địa chỉ 50A Ng, phường 4, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, và một người em trai tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974, hiện cùng cư trú tại địa chỉ trên.

Tuy nhiên, để điều tra theo lời khai của người bị hại Tr, Cơ quan điều tra đã có văn bản số 493/PC44 ngày 20/6/2018 gửi Phòng Quản lý hành chính Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp tờ khai chứng minh nhân dân có ảnh của hai người này và sau đó tiến hành cho ông Tr nhận dạng qua ảnh tàng thư vào ngày 21/6/2018. Kết quả, người bị hại đã không nhận dạng được.

Trong khi đó, chứng cứ tại hồ sơ cho thấy, ảnh được dùng nhận dạng của Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ được thu thập từ nguồn ảnh tại tàng thư Tờ khai chứng minh nhân dân được thực hiện vào thời điểm tháng 05/2007 và tháng 07/2009 (bút lục số 795, 796), tức là cách thời điểm nhận dạng trên và gần 10 năm.

Như vậy, việc thu thập chứng cứ phục vụ cho việc nhận dạng nhằm xác minh tội phạm trong trường hợp này là không phù hợp, không đảm bảo tính xác thực cũng như độ tin cậy để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án, dẫn đến tình trạng bế tắc trong việc xác minh đồng phạm trong vụ án này.

Theo đó, ở trường hợp này cần phải triệu tập các đối tượng này để tiến hành cho nhận dạng trực tiếp mới đảm bảo tính chính xác. Đồng thời, ngoài việc tiến hành cho người bị hại nhận dạng trực tiếp thì cần triệu tập những người làm chứng như đã nêu ở trên cùng nhận dạng, bởi vì những người này đã chứng kiến trực tiếp quá trình thực hiện tội phạm của 06 đồng phạm. Có như vậy mới có thể đảm tính chính xác và khách quan trong quá trình thu thập chứng cứ.

[2.2] Về xác định tội danh:

Cấp sơ thẩm xác định, bị cáo L và 06 người đồng phạm đã có sự bàn bạc, thống nhất cao trong ý chí và hành động, có sự phối hợp chặt chẽ, phân công nhiệm

vụ cụ thể cho từng người trong quá trình khống chế, dùng vũ lực tấn công ông Tr để chiếm đoạt số tiền 750.000.000 đ.

Nhận định và xác định như trên của Tòa án cấp sơ thẩm là chủ quan và chưa đủ căn cứ, bởi lẽ: Trong vụ án này, chưa xác định được 06 đồng phạm nên chưa có căn cứ xác định việc có hay không sự bàn bạc, thống nhất ý chí, cũng như cách thức thực hiện tội phạm giữa bị cáo L và các đồng phạm. Trong khi đó, bị cáo L khai chỉ nhờ những người này can thiệp để đòi khoản tiền trước đó đã đưa cho ông Tr góp vốn làm ăn, nhưng ông Tr không trả lại.

Trong khi đó, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ gồm: Lời khai của bị cáo L và lời khai của bà Vũ Thị Ng là người ngồi cùng bàn với bị hại Tr đã chứng kiến trực tiếp toàn bộ sự việc, thể hiện: Khi những người đàn ông dùng vũ lực và đổ lọ mắm tôm lên đầu ông Tr, bị cáo L đã ngăn và nói: "Đừng đánh người ta". Bà Ng trong các lời khai trước đây và tại phiên tòa phúc thẩm luôn khẳng định điều này.

Như vậy, đã cho thấy hành vi khách quan này của bị cáo L đã thể hiện ý chí của bị cáo, rằng không dùng vũ lực đối với người bị hại, và mục đích của bị cáo là muốn lấy lại tiền cho rằng của mình. Điều này còn được thể hiện ở chỗ; sau khi những người đàn ông đi cùng dùng vũ lực đối với ông Tr, bị cáo L đã viết giấy và yêu cầu ông Tr ký nhận nợ. Từ đó cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo L đã phạm tội "Cướp tài sản" là chưa phù hợp và chưa đủ căn cứ.

[3] Tóm lại: Trong vụ án này, có đủ cơ sở xác định bị cáo L đã cùng 06 đồng phạm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Việc xác định và làm rõ các đồng phạm có ý nghĩa rất quan trọng cho việc giải quyết đúng đắn, toàn diện và triệt để vụ án. Từ đó, mới có đủ cơ sở xác định chính xác ý chí chủ quan của bị cáo L làm căn cứ cho việc xác định chính xác tội danh đối với bị cáo cũng như các đồng phạm, đồng thời làm rõ có hay không hành vi vượt quá của các đồng phạm này. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định đồng phạm của Cơ quan điều tra đã có thiếu sót, chưa đảm bảo tính khách quan, cũng như độ tin cậy của chứng cứ. Điều này đã ảnh hưởng tới việc giải quyết đúng đắn, toàn diện và triệt để vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy quan điểm của luật sư sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy bị cáo L, bị hại Tr không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm 10/2019/HSST ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý lại vụ án.

Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn **Trần Thị Thu Thủy** **Phạm Công Mười**